

BẢN SẠCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢO SẢO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....quyển số.....-SCT/BS

Ngày: 13 -04- 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Phương

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Công

Chủ tịch HĐQT

Ông Hà Minh

Ủy viên

Ông Nguyễn Xuân Hải

Ủy viên

Ông Phan Ngọc Cương

Ủy viên

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Công

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Đào

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Ngọc Quang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phan Ngọc Cương

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hà Minh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Lương Bình

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Trường

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Anh

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

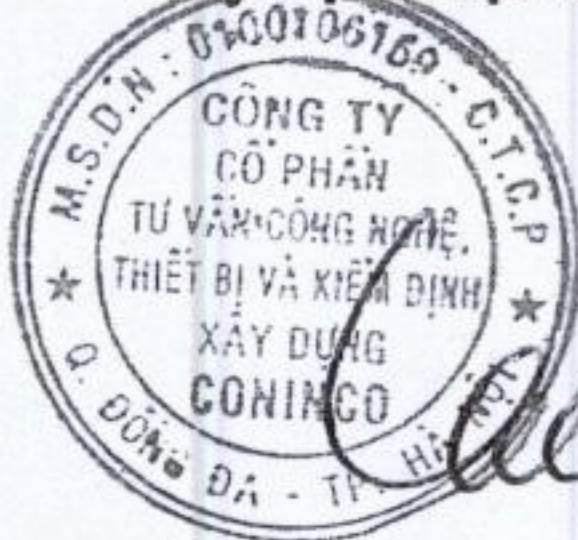
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số 169/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị
và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 10/03/2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.7 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496 -2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580 -2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		266.748.844.946	267.944.241.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.540.204.665	30.351.219.702
1. Tiền	111		38.540.204.665	30.351.219.702
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	34.120.440.262	41.773.800.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.120.440.262	41.773.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.679.909.763	137.630.071.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	37.581.089.002	37.378.785.840
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	5.051.839.834	4.414.208.348
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	101.046.980.927	95.837.076.991
IV. Hàng tồn kho	140		49.467.483.368	57.554.657.161
1. Hàng tồn kho	141	5.6	49.467.483.368	57.554.657.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		940.806.888	634.493.399
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	366.862.939	366.862.939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		573.943.949	267.630.460
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		52.880.683.547	41.985.714.474
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.110.252.304	15.429.552.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	14.960.252.303	14.259.802.430
- Nguyên giá	222		42.789.719.708	39.956.661.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.829.467.405)	(25.696.858.836)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.150.000.001	1.169.750.001
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.728.179)	(658.978.179)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.916.000.000	12.416.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.916.000.000	12.416.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	8.345.000.000	8.345.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.395.000.000	7.395.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		950.000.000	950.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.509.431.243	5.795.162.043
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.509.431.243	5.795.162.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		319.629.528.493	309.929.955.915

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		242.076.135.296	236.519.025.347
I. Nợ ngắn hạn	310		242.076.135.296	235.916.275.347
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	10.019.008.115	12.854.634.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	94.075.736.196	141.211.657.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.496.326.250	2.195.676.238
4. Phải trả người lao động	314		7.239.294.941	6.353.825.605
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	125.262.693.618	71.004.947.502
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.550.048.680	1.357.933.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.150.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.283.027.496	937.600.832
II. Nợ dài hạn	330		-	602.750.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	-	602.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		77.553.393.197	73.410.930.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	77.553.393.197	73.410.930.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.000.000.000	44.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.900.000.000	9.900.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.589.021.952	11.109.241.375
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.064.371.245	8.401.689.193
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.064.371.245	8.401.689.193
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		319.629.528.493	309.929.955.915

Người lập

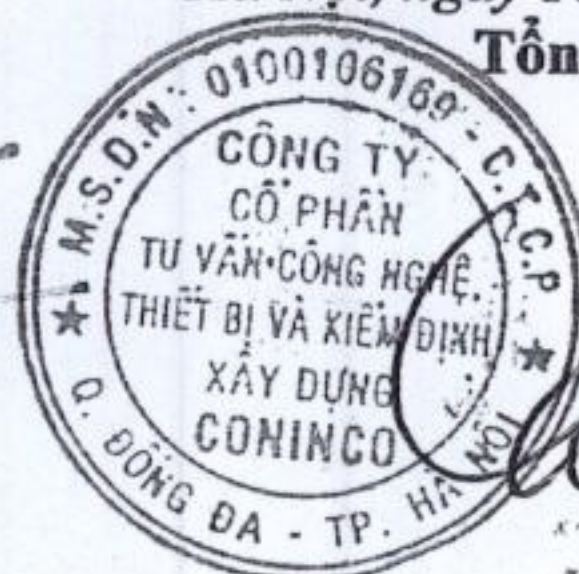
Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng

Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	263.500.008.972	267.921.773.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		263.500.008.972	267.921.773.486
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	214.786.186.882	228.232.555.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		48.713.822.090	39.689.217.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	4.459.217.704	3.182.707.820
7. Chi phí tài chính	22	5.18	39.404.998	126.900.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.404.998	126.900.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.965.069.066	34.358.200.740
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		9.168.565.730	8.386.824.891
11. Thu nhập khác	31	5.19	3.611.490.584	4.422.987.629
12. Chi phí khác	32	5.19	258.905.541	83.274.930
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	3.352.585.043	4.339.712.699
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.521.150.773	12.726.537.590
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	2.934.386.616	2.767.234.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.586.764.157	9.959.303.311
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	2.179	2.263

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Mai Hiền

Lê Xuân Tường

Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		329.846.435.584	277.366.249.572
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(270.285.666.063)	(259.232.823.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.990.448.660)	(22.687.519.079)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(39.404.998)	(126.900.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.363.293.698)	(1.786.531.779)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68.126.865.138	25.858.507.131
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(87.948.322.964)	(26.077.563.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.346.164.339	(6.686.581.126)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.445.906.624)	(765.540.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22		21.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.042.320.262)	(69.373.800.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		43.695.680.000	45.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.589.112.089	1.700.835.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.817.565.203	(22.838.504.276)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31		-	31.900.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		14.112.220.856	1.960.683.500
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.112.220.856)	(2.400.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.996.000.805)	(1.409.232.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.996.000.805)	30.051.451.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8.167.728.737	526.366.098
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.351.219.702	29.814.151.022
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		21.256.226	10.702.582
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	38.540.204.665	30.351.219.702

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Mai Hiền

Lê Xuân Tường

Nguyễn Văn Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT.

Tên viết tắt: CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 44.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ Đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.122.000	11.220.000.000	25,5%
Các cổ đông khác	3.278.000	32.780.000.000	74,5%
Tổng	4.400.000	44.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân năm 2015: 952 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Giáo dục nghề nghiệp
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Sản xuất máy thông dụng khác
Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Đại lý môi giới, đấu giá
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác
Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch
Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :

Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thăm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư như sau:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Hoạt động chính
1	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Xây dựng công trình
2	Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Xây dựng công trình
3	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Tư vấn xây dựng
4	Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Xây dựng công trình
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Tư vấn xây dựng
6	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Tư vấn xây dựng
7	Công ty CP LD Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Xây dựng công trình
8	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tư vấn xây dựng
9	Công ty CP Bất động sản LILAMA	Xây dựng công trình
10	Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tư vấn xây dựng

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	14.966.717.723	2.658.182.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.573.486.942	27.693.036.944
Tổng	38.540.204.665	30.351.219.702

5.2 Đầu tư tài chính (Phụ lục 01)

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	37.440.976.002	37.288.672.840
<i>Ban quản lý dự án huyện Quế Võ</i>	<i>403.000.000</i>	<i>8.572.878.000</i>
<i>Trung tâm hội nghị Quốc Gia</i>	<i>-</i>	<i>3.561.556.500</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>37.037.976.002</i>	<i>25.154.238.340</i>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	140.113.000	90.113.000
<i>Công ty CP CONINCO máy XD</i>	<i>90.113.000</i>	<i>90.113.000</i>
<i>và Công trình Công nghiệp</i>		
<i>Công ty CP CONINCO - Thăng Long</i>	<i>50.000.000</i>	
Tổng	37.581.089.002	37.378.785.840

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.051.839.834	4.414.208.348
<i>Cục viễn thông</i>	<i>1.427.762.818</i>	<i>2.267.781.000</i>
<i>Văn phòng đại diện AF-Consult</i>	<i>1.126.598.000</i>	<i>1.126.598.000</i>
<i>Switzerland Ltd tại Hà Nội</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển</i>	<i>1.965.365.850</i>	<i>-</i>
<i>Sao Vàng</i>		
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>532.113.166</i>	<i>1.019.829.348</i>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng	5.051.839.834	4.414.208.348

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	101.046.980.927		95.837.076.991	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	220.676.997	-	87.789.264	-
Tạm ứng	59.061.035.164	-	54.291.940.363	-
Phải thu khác	41.765.268.766	-	41.457.347.364	-
Phải thu khác-tiền điện	113.342.300	-	104.352.800	-
Phải thu khác-tiền điện thoại	26.958.584	-	33.667.158	-
Phải thu khác-tiền thuế VAT	-	-	27.068.612	-
Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ	668.720.190	-	481.486.736	-
Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu	330.647.395	-	398.988.245	-
Phải thu khác-khấu hao TSCĐ	396.517.478	-	530.890.228	-
Tiền ứng thi công công trình	20.733.781.886	-	34.520.152.054	-
Phải thu khác	19.495.300.933	-	5.360.741.531	-
Tổng	101.046.980.927	-	95.837.076.991	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	240.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.467.243.368	-	57.554.657.161	-
Tổng	49.467.483.368	-	57.554.657.161	-

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

a. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	15.040.432.242	11.512.427.194	8.373.698.792	5.030.103.038	39.956.661.266
Tăng trong năm	1.718.179.351	388.160.000	765.481.818	119.727.273	2.991.548.442
Mua trong năm	-	388.160.000	765.481.818	119.727.273	1.273.369.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.718.179.351	-	-	-	1.718.179.351
Giảm trong năm	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Thanh lý, nhượng bán	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Số dư tại 31/12/2015	16.600.121.593	11.900.587.194	9.139.180.610	5.149.830.311	42.789.719.708
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	6.633.350.251	11.316.742.361	4.377.708.766	3.369.057.458	25.696.858.836
Tăng trong năm	594.812.935	110.921.664	1.057.247.799	528.116.171	2.291.098.569
Khấu hao trong năm	594.812.935	110.921.664	1.057.247.799	528.116.171	2.291.098.569
Giảm trong năm	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Thanh lý, nhượng bán	158.490.000	-	-	-	158.490.000
Số dư tại 31/12/2015	7.069.673.186	11.427.664.025	5.434.956.565	3.897.173.629	27.829.467.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	8.407.081.991	195.684.833	3.995.990.026	1.661.045.580	14.259.802.430
Tại 31/12/2015	9.530.448.407	472.923.169	3.704.224.045	1.252.656.682	14.960.252.303

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 với giá trị là 13.970.445.703 VND (tại ngày 31/12/2014: 13.007.834.804 VND).

b. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	-	658.978.179	658.978.179
Tăng trong năm	-	19.750.000	19.750.000
Khấu hao trong năm	-	19.750.000	19.750.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	-	678.728.179	678.728.179
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	1.150.000.000	19.750.001	1.169.750.001
Tại 31/12/2015	1.150.000.000	1	1.150.000.001

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Chi phí trả trước

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	6.162.024.982	10.828.297.674
Tăng	11.819.436.398	6.203.923.929
Giảm trong năm	6.105.167.198	10.870.196.621
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	6.105.167.198	10.870.196.621
Tại ngày 31 tháng 12	11.876.294.182	6.162.024.982
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	366.862.939	366.862.939
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	366.862.939	366.862.939
b) Dài hạn	11.509.431.243	5.795.162.043
Chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.405.454.545	3.156.659.768
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.103.976.698	2.638.502.275
Tổng	11.876.294.182	6.162.024.982

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.746.269.565	9.746.269.565	12.854.634.129	12.854.634.129
Công ty CP XM Hà Tiên I và Bedeschi	6.361.261.866	6.361.261.866	6.361.261.866	6.361.261.866
Phải trả các đối tượng khác	3.385.007.699	3.385.007.699	6.493.372.263	6.493.372.263
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	272.738.550	272.738.550	-	-
Công ty CP CONINCO Thương mại và Xây dựng Việt Nhật	235.840.000	235.840.000	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	36.898.550	36.898.550	-	-
Tổng	10.019.008.115	10.019.008.115	12.854.634.129	12.854.634.129

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	94.075.736.196	141.211.657.541
BQLDA khu vực các công trình giao thông vận tải	1.740.278.415	2.275.000.000
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	11.056.577.000	11.020.000.000
Công ty CP than Vàng Danh - VINACOMIN	742.384.000	742.384.000
Công ty cổ phần Địa ốc MB (MBLAND)	3.722.400.000	5.178.789.000
Người mua trả tiền trước khác	76.814.096.781	121.995.484.541
Tổng	94.075.736.196	141.211.657.541

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	831.878.077	27.881.287.094	27.625.730.711	1.087.434.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.013.547	2.934.386.616	3.311.086.619	28.313.544
Thuế thu nhập cá nhân	25.321.371	2.609.297.460	2.619.589.298	15.029.533
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	306.937.870	771.693.740	1.078.631.610	-
Các loại thuế khác	621.477.545	1.116.311.800	1.377.288.460	360.500.885
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.047.828	173.979.348	173.979.348	5.047.828
Tổng	2.195.676.238	35.511.864.044	36.211.214.032	1.496.326.250

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	125.262.693.618	71.004.947.502
- Kinh phí công đoàn;	280.649.669	223.042.072
- Bảo hiểm xã hội;	8.118.274	-
- Bảo hiểm y tế;	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	124.973.925.675	70.781.905.430
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoán nội bộ</i>	<i>63.074.141.286</i>	<i>54.041.013.219</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả</i>	<i>12.623.842.000</i>	-
<i>Công ty CP đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng</i>	<i>3.994.900.000</i>	-
<i>Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao</i>	<i>3.190.000.000</i>	-
<i>Sở Y tế Lạng Sơn</i>	<i>3.290.000.000</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>38.801.042.389</i>	<i>16.740.892.211</i>
Tổng	125.262.693.618	71.004.947.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Phụ lục 02)

5.14 Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 03)

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32.780.000.000	32.780.000.000
Tổng	44.000.000.000	44.000.000.000

5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.644.301.528	2.763.200.000

5.14.4. Cổ phiếu

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	111.234.454	4.860.367.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.388.774.518	263.061.405.759
Tổng	263.500.008.972	267.921.773.486

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng	56.224.952	4.615.960.195
Giá vốn cung cấp dịch vụ	214.729.961.930	223.616.595.480
Tổng	214.786.186.882	228.232.555.675

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.291.984.318	1.462.203.466
Cổ tức và lợi nhuận được chia	297.096.000	238.109.489
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.256.226	10.702.582
Doanh thu nhượng quyền thương mại	1.848.881.160	1.471.692.283
Tổng	4.459.217.704	3.182.707.820

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	39.404.998	126.900.000
Tổng	39.404.998	126.900.000

5.19 Lợi nhuận khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	878.854.915	873.236.438
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	731.302.750	2.293.856.419
Thu phạt vi phạm	-	186.850.000
Thu giải thưởng cuộc thi tuyển thiết kế quy hoạch kỹ thuật dự án	-	175.000.000
Thu tiền photo, in ấn tài liệu	852.177.128	-
Thu nhập khác	1.149.155.791	894.044.772
Tổng	3.611.490.584	4.422.987.629
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế	247.155.199	45.409.433
Chi phí khác	11.750.342	37.865.497
Tổng	258.905.541	83.274.930
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	3.352.585.043	4.339.712.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	12.521.150.773	12.726.537.590
Điều chỉnh tăng	273.989.389	89.909.530
Chi phí không hợp lý cho mục tiêu thuế	273.989.389	89.909.530
Điều chỉnh giảm	297.096.000	238.109.489
Cổ tức được chia	297.096.000	238.109.489
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.498.044.162	12.578.337.631
Thu nhập từ kinh doanh bất động sản		
Thu nhập từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	12.498.044.162	12.578.337.631
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.749.569.716	2.767.234.279
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	184.816.900	-
Tổng	2.934.386.616	2.767.234.279

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.586.764.157	9.959.303.311
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.586.764.157	9.959.303.311
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.179	2.263

5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.214.342.600	35.296.217.774
Chi phí nhân công	157.950.731.584	134.998.185.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.291.098.569	2.583.698.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.503.862.854	4.404.858.229
Chi phí khác bằng tiền	72.069.780.880	85.434.696.020
Tổng	259.029.816.487	262.717.656.415

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	4.286.656.355	4.186.229.018

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
---------------	---------------------	-------------------	-------------------

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Tiền góp vốn	-	11.220.000.000
---------------------------------------	--------------	---	----------------

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
---------------	---------------------	-----------------	-----------------

Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tiền thuê văn phòng	228.364.200	335.022.060
	Phí nhượng quyền thương hiệu	330.443.070	-

Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHH và Tư vấn xây dựng	Tiền thuê văn phòng	106.901.100	122.463.027
	Phí nhượng quyền thương hiệu	181.818.181	227.272.727

	Tiền thuê văn phòng	65.196.363	193.600.645
--	---------------------	------------	-------------

Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Phí nhượng quyền thương hiệu	332.750.909	467.851.818
	Nhận cổ tức	79.200.000	50.400.000

Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Phí nhượng quyền thương hiệu	430.939.909	433.077.272
	Nhận cổ tức	82.500.000	76.500.000
	Bán hàng hóa	5.600.000	-

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Phí nhượng quyền thương hiệu	181.818.182	115.926.830
	Tiền thuê văn phòng	-	61.228.800

	Tiền thuê văn phòng	294.748.800	-
--	---------------------	-------------	---

Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Phí nhượng quyền thương hiệu	347.474.545	182.109.091
	Dịch vụ khác	37.393.200	-

Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Tiền thuê văn phòng	44.939.838	94.447.395
	Thanh lý TSCD	21.000.000	-

Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tiền thuê văn phòng	8.698.560	25.920.240
	Nhận cổ tức	16.146.000	17.459.489

Công ty CP Bất động sản LILAMA	Nhận cổ tức	-	37.500.000
--------------------------------	-------------	---	------------

Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Nhận cổ tức	56.250.000	56.250.000
---------------------------------------	-------------	------------	------------

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.204.665	30.351.219.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.628.069.929	133.215.862.831
Đầu tư ngắn hạn	34.120.440.262	41.773.800.000
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	8.345.000.000
Tổng	219.633.714.856	213.685.882.533
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.550.048.680	1.357.933.500
Phải trả người bán và phải trả khác	135.281.701.733	83.859.581.631
Tổng	136.831.750.413	85.217.515.131

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.550.048.680	-	1.550.048.680
Phải trả người bán và phải trả khác	135.281.701.733	-	135.281.701.733
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.357.933.500	-	1.357.933.500
Phải trả người bán và phải trả khác	83.859.581.631	-	83.859.581.631

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.204.665	-	38.540.204.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.628.069.929	-	138.628.069.929
Đầu tư ngắn hạn	34.120.440.262	-	34.120.440.262
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	-	8.345.000.000
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.351.219.702	-	30.351.219.702
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.215.862.831	-	133.215.862.831
Đầu tư ngắn hạn	41.773.800.000	-	41.773.800.000
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	-	8.345.000.000

6.3 Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1.	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,54	13,55
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,46	86,45
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	75,74	76,31
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,26	23,69
2.	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,10	1,13
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,10	1,14
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,13
3.	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4,75	4,75
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,64	3,72
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	3,92	4,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	3,00	3,21
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,36	13,57

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Tại ngày 01/01/2015		
	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	Chênh lệch
Tài sản			
Phải thu ngắn hạn khác	41.545.136.628	95.837.076.991	54.291.940.363
Tài sản ngắn hạn khác	54.291.940.363	-	(54.291.940.363)
Nguồn vốn			
Vay và nợ ngắn hạn	1.357.933.500	-	(1.357.933.500)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.357.933.500	1.357.933.500
Vay và nợ dài hạn	602.750.000	-	(602.750.000)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	602.750.000	602.750.000
Quỹ đầu tư phát triển	7.332.341.133	11.109.241.375	3.776.900.242
Quỹ dự phòng tài chính	3.776.900.242	-	(3.776.900.242)

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

Lưu Thị Mai Hiền

Lê Xuân Tường

Nguyễn Văn Công

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.2. Đầu tư tài chính (Phụ lục 01)

5.2.1. Ngắn hạn

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

- Tiền gửi có kỳ hạn	34.120.440.262		41.773.800.000	-
----------------------	----------------	--	----------------	---

5.2.2. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	7.395.000.000	7.395.000.000	7.395.000.000	7.395.000.000
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	2.280.000.000	2.280.000.000	2.280.000.000	2.280.000.000
Công ty CP TEXO Tư vấn và Đầu tư	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	625.000.000	625.000.000	625.000.000	625.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Coninco Đầu tư PTH và Tư vấn xây dựng	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000
Đầu tư dài hạn khác	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	950.000.000	950.000.000	950.000.000	950.000.000
Công ty LILAMA LAND	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
	8.345.000.000	8.345.000.000	8.345.000.000	8.345.000.000

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.2. Đầu tư tài chính (Phụ lục 01) (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề Buôn bán và bảo trì thang máy
Công ty cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Số 4 Tôn Thất Tùng, HN	6.000.000.000	38%	
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	4.200.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tầng 6 Tòa Nhà Lạc Hồng Số 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân HN	10.000.000.000	6,25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO CN XD và Môi trường	P408,410 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN 118 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	3.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam		2.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.550.000.000	29%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	P604 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.500.000.000	28,80%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, HN	9.500.000.000	36%	Tư vấn xây dựng

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn (Phụ lục 02)

Khoản mục	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.550.048.680	1.550.048.680	1.550.048.680	1.357.933.500	1.357.933.500	1.357.933.500
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.550.048.680	1.550.048.680	1.550.048.680	1.357.933.500	1.357.933.500	1.357.933.500
- Chi nhánh 3 – TP HCM (1)						
b) Vay dài hạn	-	-	-	602.750.000	602.750.000	602.750.000
Vay cá nhân	-	-	-	602.750.000	602.750.000	602.750.000
Tổng	1.550.048.680	1.550.048.680	1.550.048.680	1.960.683.500	1.960.683.500	1.960.683.500

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 - TP HCM, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay một năm kể từ thời điểm giải ngân.

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 03)

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	22.000.000.000	-	5.752.504.080	2.986.981.715	6.241.571.149	36.981.056.944
Tăng trong năm	22.000.000.000	9.900.000.000	1.579.837.053	789.918.527	9.959.303.311	44.229.058.891
Tăng vốn	22.000.000.000	9.900.000.000	-	-	-	31.900.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.959.303.311	9.959.303.311
Trích lập các quỹ	-	-	1.579.837.053	789.918.527	-	2.369.755.580
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.799.185.267	7.799.185.267
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.035.985.267	5.035.985.267
Chi cô tức	-	-	-	-	2.763.200.000	2.763.200.000
Số dư tại 31/12/2014	44.000.000.000	9.900.000.000	7.332.341.133	3.776.900.242	8.401.689.193	73.410.930.568
Số dư tại 01/01/2015	44.000.000.000	9.900.000.000	11.109.241.375	-	8.401.689.193	73.410.930.568
Tăng trong năm	-	-	3.479.780.577	-	9.586.764.157	13.066.544.734
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.586.764.157	9.586.764.157
Trích lập các quỹ	-	-	3.479.780.577	-	-	3.479.780.577
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.924.082.105	8.924.082.105
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	4.644.301.528	4.644.301.528
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.479.780.577	3.479.780.577
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	800.000.000	800.000.000
Số dư tại 31/12/2015	44.000.000.000	9.900.000.000	14.589.021.952	-	9.064.371.245	77.553.393.197

